



Bài báo nghiên cứu

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẾ CHUYÊN MÔN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH THEO XU HƯỚNG KẾT NỐI GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Trần Thủy

Trường Đại học Quảng Bình

Tác giả liên hệ: Trần Thủy – Email: thuyhoangsonqbuni@gmail.com

Ngày nhận bài: 10-01-2019; ngày nhận bài sửa: 15-7-2019; ngày duyệt đăng: 11-8-2019

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy để đánh giá kết quả thực hành – thực tập của sinh viên, trên cơ sở đó xây dựng chương trình thực tế chuyên môn phù hợp. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn và ứng dụng được 3 nhóm giải pháp cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) đang sử dụng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo theo xu hướng kết nối giữa lý luận và thực tiễn cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Quảng Bình.

Từ khóa: chương trình thực tế; giải pháp; lý luận và thực tiễn; Trường Đại học Quảng Bình

1. Phần mở đầu

Việt Nam đã nhiều lần thay đổi chương trình sách giáo khoa ở các bậc học, dù mỗi lần thay đổi đều có những ưu điểm khác nhau. Đứng trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc kết nối giữa lý luận và thực tiễn trong đào tạo giáo viên chuyên ngành Giáo dục thể chất có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp cho sinh viên nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển năng lực nghề nghiệp thông qua việc học tập tại chỗ, tại trường phổ thông, các trung tâm thể dục thể thao (TDTT), câu lạc bộ TDTT... Vì vậy, việc phân tích đúng thực trạng là cơ sở để đề xuất các giải pháp xây dựng chương trình thực tế chuyên môn, giải quyết được mục tiêu của chương trình, từ đó cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tương lai trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đánh giá về chất lượng và kết quả đào tạo sau kiến tập và thực tập sư phạm

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp sau: phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu; phương pháp phỏng vấn – tọa đàm và phương pháp thống kê.

Cite this article as: Tran Thuy (2019). Solutions to the development of internship programs at Quang Binh University. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 16(11), 848-855.

Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến thức được học và thực tế còn nhiều điểm chưa phù hợp, nhất là về kỹ năng xử lý tình huống, các em chưa được đào tạo, kỹ năng thực tế còn hạn chế, sự kết nối giữa lý luận và thực tiễn còn bất cập dẫn đến việc kết quả chưa được như ý muốn. Bởi thực tế có nhiều yếu tố ảnh hưởng, trong đó khâu cốt lõi là việc xây dựng chương trình chi tiết.

Để đánh giá CTĐT đã sử dụng, đề tài lựa chọn phương pháp khảo sát nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp khóa 2013 với 41 sinh viên ngành GDTC để điều tra khảo sát. Số phiếu phát ra 41, thu về 38, kết quả được trình bày ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng (n=38)

Tiêu chuẩn	NỘI DUNG	THANG ĐÁNH GIÁ				
		Không phù hợp	Tương đối phù hợp	Phân vân	Phù hợp	Rất phù hợp
1	CTĐT có mục tiêu rõ ràng và phù hợp với yêu cầu của quý cơ quan	2,6	5,3	5,3	65,8	21
2	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu công việc của quý cơ quan	0	5,3	0	84,2	10,5
3	CTĐT có cấu trúc hợp lý, nội dung cập nhật và có tính tích hợp	5,3	13,2	5,3	60,5	15,7
4	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	0	7,9	2,6	47,4	42,1
5	Tỉ lệ cân đối giữa các học phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành	47,4	34,2	2,6	15,8	0
6	Tỉ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTĐT	2,6	55,3	2,6	23,7	15,8
7	Mức độ gắn kết giữa CTĐT với chuẩn đầu ra	0	18,4	10,5	57,9	13,2
8	Trình tự các học phần được thiết kế logic, hỗ trợ cho nhau	2,6	5,3	13,2	44,7	34,2
9	Nội dung thực tập và thời gian thực tập	42,1	50	7,9	0	0
10	Nội dung của CTĐT đáp ứng linh hoạt, phù hợp nhu cầu xã hội	15,8	50	5,3	28,9	0

(Nguồn: Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Quảng Bình)

Bảng 1 cho thấy các tiêu chuẩn ở mục 1, 2, 3, 4, 7, 8 đều được đánh giá là “phù hợp” và “rất phù hợp” chiếm tỉ lệ từ 76,2% đến 94,7% (Cụ thể: tỉ lệ cân đối giữa các học phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành là 81,6%; tỉ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTĐT là 57,9%; nội dung thực tập và thời gian thực tập là 92,1% và nội dung của CTĐT đáp ứng linh hoạt, phù hợp nhu cầu xã hội 65,8%). Các tiêu

chuẩn 5, 6, 9, 10 được các nhà tuyển dụng đánh giá là “không phù hợp”, “tương đối phù hợp” và “phân vân” chiếm tỉ lệ từ 60,5% đến 100%. Qua đó có thể khẳng định sự cần thiết phải điều chỉnh chương trình chi tiết cho phù hợp với xu thế đào tạo trong thời kì đổi mới là khâu cốt lõi, có tính quyết định đến chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra.

2.2. Xây dựng chương trình thực tế chuyên môn tại các cơ sở đào tạo theo hướng kết nối giữa lí luận và thực tiễn

2.2.1. Cơ sở xây dựng chương trình thực tế chuyên môn

Đề xây dựng chương trình thực tế chuyên môn, đề tài căn cứ vào các cơ sở sau đây:

- Chương trình chi tiết của các học phần được Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình phê duyệt năm 2015 (Trường Đại học Quảng Bình, 2015).

- Kết quả khảo sát sau kiến tập và thực tập sư phạm của sinh viên ngành GDTC (Bảng 1).

- Ý kiến trao đổi, thảo luận của giảng viên khoa GDTC – QP và những cán bộ, giảng viên tại các cơ sở thực tập – kiến tập.

2.2.2. Triển khai xây dựng chương trình thực tế chuyên môn

Đề tài xây dựng 6 nhóm giải pháp, bao gồm: Tổ chức thực tế chuyên môn trong môi trường đào tạo; tổ chức thực tế chuyên môn tại các trường thực hành thực tập; tăng cường thi đấu các môn thể thao; nghiên cứu nội dung thực tế qua trung tâm học liệu; tự rèn luyện các phẩm chất cá nhân, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; sinh viên được tham gia ngoại khóa để bổ trợ các kĩ năng mềm.

2.2.3. Kết quả xây dựng chương trình thực tế chuyên môn

Căn cứ vào các cơ sở nêu trên, đề tài đã triển khai khảo sát “sự cần thiết” phải xây dựng chương trình thực tế chuyên môn tại các cơ sở đào tạo thông qua phương pháp phỏng vấn, kết quả được trình bày ở Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Kết quả khảo sát chương trình thực tế chuyên môn tại các cơ sở đào tạo (n=41)

TT	Nhóm các biện pháp	Mức độ cần thiết					
		Rất cần		Cần		Không cần	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Tổ chức thực tế chuyên môn trong môi trường đào tạo	24	58,54	15	36,59	2	4,88
2	Tổ chức thực tế chuyên môn tại các trường thực hành thực tập	23	56,1	14	34,15	4	9,76
3	Tăng cường thi đấu các môn thể thao	4	9,76	12	29,27	25	60,98
4	Nghiên cứu nội dung thực tế qua trung tâm học liệu	2	4,88	11	26,83	28	68,29
5	Tự rèn luyện các phẩm chất cá nhân đáp ứng yêu cầu thị trường lao động	7	17,07	13	31,71	21	51,22
6	Sinh viên được ngoại khóa để bổ trợ các kĩ năng mềm	21	51,22	17	41,46	3	7,32

Bảng 2 cho thấy có 3 giải pháp được các chuyên gia đánh giá *rất cần* và *cần* để triển khai giúp sinh viên tiếp cận và rèn luyện chuyên môn, bao gồm: tổ chức thực tế chuyên môn trong môi trường đào tạo chiếm tỉ lệ 95,12%, tổ chức thực tế chuyên môn tại các trường thực hành thực tập chiếm tỉ lệ 90,24% và sinh viên được ngoại khóa để bổ trợ các kỹ năng mềm chiếm tỉ lệ 92,68%. Những giải pháp được các chuyên gia đánh giá cao, nhóm nghiên cứu đề tài quyết định triển khai ứng dụng cho sinh viên.

2.3. Ứng dụng các giải pháp đã lựa chọn

2.3.1. Tổ chức thực nghiệm

Khách thể thực nghiệm là 13 sinh viên hệ đại học chuyên ngành GDTC, đang học các học phần: Bóng chuyền và phương pháp giảng dạy; Bóng đá và phương pháp giảng dạy; Cầu lông và phương pháp giảng dạy; Bóng bàn và phương pháp giảng dạy; Bóng rổ và phương pháp giảng dạy; Điền kinh và phương pháp giảng dạy 1, 2; Thể dục 1, 2 và phương pháp giảng dạy nằm trong chương trình học của năm học 2017 – 2018.

Thời gian và kế hoạch áp dụng các bài tập thực nghiệm được trình bày chi tiết trong các giải pháp ở mục 3.2.

Địa điểm thực nghiệm: Trường Đại học Quảng Bình, Trường Trung học phổ thông chuyên Võ Nguyên Giáp, Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Quảng Bình, Nhà thiếu nhi tỉnh Quảng Bình.

2.3.2. Triển khai ứng dụng các nhóm giải pháp

i) Giải pháp tổ chức thực tế chuyên môn trong môi trường đào tạo

Mục đích: Rèn luyện kỹ năng điều hành các giải đấu ở các cấp trong cơ sở đào tạo (tại Trường Đại học Quảng Bình).

Nội dung: Triển khai công tác trọng tài và phục vụ giải đấu, bao gồm: 2 giải bóng chuyền nữ của Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non và Khoa Nông – Lâm – Ngư chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ; 2 giải Bóng đá mini nữ của các khoa Khoa học tự nhiên và khoa Kỹ thuật – Công nghệ thông tin chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam; 1 giải Bóng chuyền nam – nữ sinh viên toàn trường chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.

Thời gian: tháng 10, 11 năm 2017; tháng 3 năm 2018.

Cách thức triển khai: Trong quá trình giảng dạy, các giảng viên theo dõi, quan sát và phát hiện năng lực của cá nhân của sinh viên. Các giải thi đấu cấp Khoa đã tiến hành phân công công việc cụ thể, sắp xếp hợp lý, luân phiên các công việc như: trọng tài chính – phụ, trợ lý trọng tài, thư ký, giám biên... để sinh viên chủ động nghiên cứu các nội dung công việc có liên quan nhằm thực hiện tốt các công việc được giao.

Riêng đối với các giải đấu cấp Trường, công việc thường được giao là thư ký và giám biên, nhằm giúp sinh viên từng bước tiếp cận, theo dõi hoạt động thi đấu nhằm tích lũy cho

cá nhân. Ngoài ra, ở các trận đấu không trực tiếp tham gia phải tiến hành quan sát, ghi chép diễn biến chuyên môn để trao đổi, thảo luận, rút kinh nghiệm.

Phương pháp đánh giá: Sau mỗi giải đấu, tổ trưởng trọng tài, thư kí tổ chức thảo luận, rút kinh nghiệm từng công việc nhằm giúp sinh viên nhận thức được những việc đã làm, từ đó tích lũy các kiến thức thực tiễn sau khi ra trường.

ii) Giải pháp tổ chức thực tế chuyên môn tại các trường thực hành, thực tập

Mục đích: Tăng cường năng lực trau dồi kiến thức chuyên môn đã học, tiếp cận môi trường tuyển dụng, hỗ trợ sau khi tốt nghiệp đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Nội dung: Tổ chức tham quan thực tế chuyên môn tại các trường trung học phổ thông; Nhà thiếu nhi tỉnh Quảng Bình và Trung tâm huấn luyện TĐTT.

Thời gian: Tháng 12/2017, tháng 4/2018 và tháng 6/2018.

Cách thức triển khai:

- Tổ chức tham quan thực tế chuyên môn tại trường trung học phổ thông: Triển khai dự giờ môn thể thao tự chọn Bóng rổ đang được giảng dạy trong trường (mỗi sinh viên 4 tiết) để học hỏi, tích lũy kinh nghiệm; tham gia trực tiếp các hoạt động ngoại khóa cùng học sinh nhằm rèn luyện kỹ năng thực hành; cùng với giáo viên phổ thông tham gia điều hành trọng tài giải Điền kinh cấp Trường (do tổ trọng tài của trường phân công phù hợp với năng lực chuyên môn); theo dõi quản lý tập luyện thể dục giữa giờ ở trường.

- Thực tế tại Nhà thiếu nhi Tỉnh: Giảng viên trực tiếp giảng dạy liên hệ với bộ phận quản lý cho phép sinh viên quan sát câu lạc bộ năng khiếu Bóng bàn trẻ tập luyện, đồng thời giao nhiệm vụ cho sinh viên nghiên cứu tìm hiểu phương pháp chiêu sinh học viên, cách thức tuyển chọn phân loại trình độ tập luyện và kế hoạch huấn luyện định kỳ cho các lớp. Qua đó, sinh viên hiểu và thâm nhập thực tế mô hình các câu lạc bộ năng khiếu đang triển khai của tỉnh.

- Thực tế tại Trung tâm huấn luyện TĐTT Tỉnh: Quá trình triển khai chủ yếu sử dụng phương pháp quan sát nhằm theo dõi lịch trình huấn luyện của các đội tuyển Điền kinh tuyển trẻ, tìm hiểu về kế hoạch huấn luyện định kỳ, các bài tập huấn luyện thể lực chuyên môn, kỹ - chiến thuật, từ đó giúp sinh viên tiếp cận với phương pháp huấn luyện các đội tuyển tuyển năng khiếu.

Phương pháp đánh giá: Sau thực tế chuyên môn, giao cho sinh viên viết bài thu hoạch có xác nhận của cơ sở, giảng viên tiến hành chấm theo quy định (điểm chấm được đưa vào cột kiểm tra thường xuyên trong quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ). (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007)

iii) Giải pháp ngoại khóa để bổ trợ các kỹ năng mềm

Mục đích: Rèn luyện các kỹ năng ngoài giờ lên lớp.

Nội dung: Quan sát các hoạt động ngoại khóa của sinh viên ngành Sư phạm tiểu học, Giáo dục mầm non, cụ thể: Các khóa đào tạo chuyên ngành Sư phạm tiểu học học môn *Phương pháp dạy học thể dục ở tiểu học* được giảng viên giao triển khai chương trình ngoại khóa dưới hình thức hội thi, các nội dung bao gồm: giảng dạy, đẩy gậy, nhảy dây nghệ thuật và kéo co hiện đại. Đối với ngành Giáo dục mầm non học phần thể dục nghệ thuật có chương trình ngoại khóa biểu diễn dưới hình thức Hội thi Aerobic cho trẻ mầm non, mỗi nhóm từ 15 đến 20 em tự biên soạn một bài biểu diễn trên nền nhạc để thi đua giữa các nhóm.

Thời gian: Tháng 10/2017 và tháng 4/2018.

Cách thức triển khai: Giao cho sinh viên nghiên cứu tìm hiểu các kế hoạch ngoại khóa của các lớp (ngành) ở trên, triển khai quan sát các buổi tập và thời gian công diễn. Tiến hành thu thập các chương trình tập luyện và biểu diễn bằng hình ảnh và video.

Phương pháp đánh giá: Viết thu hoạch kèm theo hình ảnh và video thu được, thuyết trình theo nhóm. Giảng viên đánh giá theo hình thức xếp loại A, B, C đồng thời tiến hành nhận xét, rút kinh nghiệm.

2.4. Đánh giá các nhóm giải pháp thực tế chuyên môn đã ứng dụng

Phương pháp đánh giá các giải pháp: Đề tài lựa chọn thông qua phỏng vấn về mức độ hài lòng của sinh viên đối với những giải pháp triển khai ứng dụng, kết quả được trình bày ở Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Mức độ hài lòng của sinh viên về các giải pháp thực tế chuyên môn (n=13)

TT	NỘI DUNG	Có		Không		Không ý kiến		Ý kiến khác	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Kế hoạch thực tế chuyên môn có được các giảng viên xây dựng và triển không?	12	92,31	0	0,00	1	7,69	0	0,00
2	Chương trình thực tế có phù hợp với yêu cầu thực tiễn hay không?	11	84,62	1	7,69	0	0,00	1	7,69
3	Nội dung thực tế chuyên môn có phù hợp với chuẩn đầu ra ngành đào tạo hay không?	13	100,0	0	0,00	0	0,00	0	0,00
4	Thời gian thực tế môn học phân bố hợp lí hay không?	10	76,92	1	7,69	1	7,69	1	7,69
5	Đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tế có nhiệt tình giúp đỡ hay không?	9	69,23	2	15,38	2	15,38	0	0,00
6	Các giảng viên hướng dẫn có nhiệt tình giúp đỡ hay không?	13	100,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00

Bảng 3 cho thấy sinh viên đánh giá rất cao chương trình thực tế chuyên môn của các giảng viên chuyên ngành xây dựng (tất cả các câu hỏi tỉ lệ trả lời “có” chiếm từ 69,23% đến 100%), điều này khẳng định chương trình thực tế chuyên môn kết nối giữa lí luận và thực tiễn đã được sinh viên tiếp nhận rất tích cực mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó đội ngũ giảng viên chuyên ngành GDTC, Trường Đại học Quảng Bình đã rất tận tâm, tận lực để hướng dẫn, giúp sinh viên thực hiện được mục tiêu CTĐT.

3. Kết luận

Thông qua khảo sát, các nhà tuyển dụng đã khẳng định sự cần thiết phải điều chỉnh chương trình chi tiết cho phù hợp với xu thế đào tạo trong thời kỳ đổi mới là khâu cốt lõi, có tính quyết định đến chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn và ứng dụng thành công 3 nhóm giải pháp cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDTC tại Trường Đại học Quảng Bình, bao gồm: Triển khai khảo sát nhu cầu của địa phương để xây dựng chương trình; thiết kế xây dựng chương trình khung đào tạo phù hợp thực tiễn; xây dựng chương trình thực tế chuyên môn tại các cơ sở đào tạo theo hướng kết nối giữa lí luận và thực tiễn.

Mức độ hài lòng của sinh viên là thước đo đánh giá chất lượng của CTĐT, qua đó giúp cho hoạt động đào tạo có những điều chỉnh hợp lí để xây dựng được mức độ hài lòng cao, phục vụ người học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo xu hướng kết nối giữa lí luận và thực tiễn.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ministry of Education and Training (2007). *Regulation on regular university and college training according to the credit system [Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ]*
- Quang Binh University (2015). *Training program on Physical Education [Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất]*.

**SOLUTIONS TO THE DEVELOPMENT OF INTERNSHIP PROGRAMS
AT QUANG BINH UNIVERSITY**

Tran Thuy

Quang Binh University

Corresponding author: Tran Thuy – Email: thuyhoangsonqbuni@gmail.com

Received: January 10, 2019; Revised: July 15, 2019; Accepted: August 11, 2019

ABSTRACT

The paper presents the evaluation of the students' internship at Quang Binh University. Based on the results, three groups of solutions are offered to improve the internship programs, attempting to help students in Physical Education be able to integrate theory into practice.

Keywords: internship program; solutions; integration of theory and practice; Quang Binh University